

Bản án số: 500/2024/DS-PT
Ngày 09-7-2024
V/v “Tranh chấp thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 256/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1154/2023/DSST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2151/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965; (Có mặt)

2. Ông Phạm Thành C, sinh năm 1971; (Có mặt)

3. Bà Phạm Thị Ý N1, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: 163/14/6 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ánh S, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 163/12/8 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: 163/12/8 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1954. (Có mặt)

Địa chỉ: 766/95/13 C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phạm Vũ Ngọc H, sinh năm 1981. (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: C H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ông Phạm Vũ H1, sinh năm 1976. (*Vắng mặt*)
4. Ông Phạm Vũ H2, sinh năm 1978. (*Vắng mặt*)
5. Bà Phạm Vũ Giáng H3, sinh năm 1983. (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm 1958. (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: Parkgatan C, E F, S.
7. Bà Phạm Thị Kim H4, sinh năm 1960. (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: 102-1655 Grand Marais RD w W on N9E 4W4, Canada.
8. Ông Phạm Minh T2 (Tuan Minh P), sinh năm 1968. (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: C San Robertoway N, O, M3L2J5, Canada.
9. Bà Phạm Thị Thanh D (Pham D1), sinh năm 1972 Địa chỉ: B C, S, C, USA. (*Vắng mặt*)
Đại diện theo ủy quyền của các ông bà H, H2, H1, T1, H4, T2, D1: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1954. (Có mặt)
Địa chỉ: 766/95/13 C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của bà Giáng H3: Bà Vũ Thị G, sinh năm 1954. (Vắng mặt)
Địa chỉ: 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Ánh S.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày:

Cụ Phạm Văn T3 (chết ngày 08/02/2014, theo Giấy chứng tử số 23/10/02/2014 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) và cụ Phạm Thị Đ (chết ngày 10/02/2021, theo Trích lục khai tử số 17/TLKT ngày 17/02/2021 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) là đồng sở hữu nhà đất tại địa chỉ: 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (số nhà C T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA918531, số vào sổ cấp GCN: CH01899 do Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/07/2015. (Sau đây gọi tắt là nhà đất số 163/14/6 Tô Hiến T4)

Sinh thời, cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ có 10 người con sau:

1. Phạm Văn T5 (1952 - 2002), có 04 (bốn) người con ruột là Phạm Vũ H1, Phạm Vũ H2, Phạm Vũ Ngọc H và Phạm Vũ Giáng H3.
2. Phạm Văn L - Sinh năm 1954.
3. Phạm Thị Ngọc T1 - Sinh năm 1958.
4. Phạm Thị Kim H4 - Sinh năm 1960.
5. Phạm Thị Ánh S - Sinh năm 1963.

6. Phạm Văn N - Sinh năm 1965.
7. Phạm Minh T2 - Sinh năm 1968.
8. Phạm Thành C - Sinh năm 1971.
9. Phạm Thị Thanh D - Sinh năm 1972.
10. Phạm Thị Ý N1 - Sinh năm 1975.

+ Cha và mẹ của cụ Phạm Văn T3 là cụ Phạm Cả C1 (1900 - 1970, không có giấy chứng tử) và cụ Phạm Thị G1 (1902 - 1950, không có giấy chứng tử) chết trước cụ T3.

+ Cha và mẹ bà Phạm Thị Đ là cụ Phạm Văn T6 (1902 - 1960, không có giấy chứng tử) và cụ Nguyễn Thị H5 (1904 - 1955, không có giấy chứng tử) chết trước cụ Đ.

Vào năm 2006, cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ có lập Di chúc ngày 21/4/2006 tại Phòng C2 - Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: sau khi hai cụ qua đời thì nhà đất tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ thuộc quyền thừa kế của 05 (năm) người gồm: Ông Phạm Văn N, ông Phạm Thành C, bà Phạm Thị Ý N1, ông Phạm Minh T2 và bà Phạm Thị Thanh D. Hiện trạng cũ nhà và đất tại thời điểm lập di chúc được xây dựng với thiết kế 02 tầng và sân thượng.

Đến năm 2014, do căn nhà đã quá xuống cấp, mặt khác diện tích nhà thì quá chật hẹp không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cho các thành viên trong gia đình, nên hai cụ T3, Đ đã tiến hành xin giấy phép và xây dựng thêm một tầng và một lửng, nâng tổng số tầng trong căn nhà trên thành 04 tầng và 01 tầng lửng.

Năm 2015, sau khi hoàn thành việc xây mới thêm 02 tầng nhà, hai cụ đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

Sau khi hai cụ T7, Đặng m, do không thể tự thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế, nên ngày 18/05/2022 nguyên đơn nộp Đơn khởi kiện và ngày 22/9/2022 sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp phân chia di sản thừa kế đối với căn nhà số A T, như sau:

1. Công nhận di chúc số công chứng 400, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21/4/2006 do cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ xác lập tại Phòng Công chứng số 3 - Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật, cụ thể là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà số: 163/14/6 Tô Hiến T4 thuộc quyền thừa kế của 05 người gồm: 1. Phạm Văn N, 2. Phạm Thành C, 3. Phạm Thị Ý N1, 4. Phạm Minh T2 và 5. Phạm Thị Thanh D.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần giá trị xây dựng phát sinh từ việc xây dựng thêm căn nhà năm 2015 mà không thể hiện trong di chúc, cụ thể là 10 người đồng thừa kế mỗi người được hưởng một phần giá trị kỹ phần bằng nhau tương đương khoảng 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) giá tạm tính.

Phần thừa kế của ông Phạm Văn T5 thì 04 người con của ông T5 (gồm: Phạm Vũ H1, Phạm Vũ H2, Phạm Vũ Ngọc H, Phạm Vũ Giáng H3) được hưởng thừa kế thế vị.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8, tài sản tại số A T có giá trị quyền sử dụng đất là 21.409.771.118 đồng và 2.090.593.000 đồng, tổng cộng là 23.500.364.118 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 30/5/2023 tại Tòa án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với nhà đất trên nhưng đồng ý với Di chúc của hai cụ T3, Đ và chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với toàn bộ giá trị xây dựng nhà là 2.090.593.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Ánh S do người đại diện hợp pháp trình bày như sau:

Bà S là người có công phần lớn trong việc đóng góp kinh tế cho gia đình, lo lắng cho các em học hành, công việc làm ăn.

Năm 1998, theo yêu cầu của cụ Phạm Thị Đ và vì lợi ích chung của gia đình cũng như mong muốn cho bố mẹ được ở trong ngôi nhà khang trang sạch sẽ, nên bà S đã cho cụ Đặng m1 25 lượng vàng SJC để xây mới căn nhà với lời hứa của cụ Đ là cho gia đình riêng của bà S ở chung trong căn nhà của cụ Đ (cùng các anh chị em khác) và sau này sẽ để lại căn nhà này cho bà S. Việc vay mượn không làm giấy tờ, nhưng ông Phạm Văn L có biết và đã thể hiện tại cuốn tập ghi chép của ông L mà bà S đã trích ra gửi bản photo cho Tòa án và được ông L thừa nhận là do ông L viết.

Số vàng trên bà S đã dành dụm để mua nhà cho gia đình nhỏ của bà, nhưng về sau thì cụ Đặng t cho bà S được 04 lượng vàng SJC và không cho gia đình bà S ở chung nên bà S không có tiền để mua được nhà và cụ Đặng c để di chúc cho những người khác hưởng thừa kế mà không có bà S.

Ngày 27/02/2023, 21/3/2023 và 14/4/2023 bà S có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu những người hưởng thừa kế theo di chúc trả cho bà S các khoản sau:

1. 25 lượng vàng SJC cụ Đ đã mượn để xây nhà, quy đổi ra giá tiền tại thời điểm hiện tại là 66.450.000đ= 1.661.250.000 đồng.

2. Bà S là người trực tiếp ở với cha mẹ và có công sức giữ gìn, tu tạo nhà, chăm sóc cha mẹ và gia đình nên yêu cầu được nhận % suất thừa kế, tạm tính là 1.175.000.000 đồng.

3. Bà S là người khiếm thính, không có khả năng lao động nên yêu cầu được hưởng 2/3 suất thừa kế không phụ thuộc và di chúc, tạm tính: tổng giá trị di sản (làm tròn) là 23.500.000.000 đồng chia cho 10 suất thừa kế nhân cho 2 là 1.566.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản yêu cầu năm anh chị em nhận di sản theo di chúc phải trả cho bà là 4.358.250.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 30/5/2023, bị đơn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với nhà đất trên theo di chúc về giá trị quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ giá trị xây dựng nhà, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố với điều chỉnh như sau: yêu cầu trả 21 lượng vàng SJC quy đổi tại thời điểm hiện tại là 1.395.450.000 đồng,

yêu cầu được nhận công sức chăm sóc cha mẹ và công tôn tạo tài sản, tạm tính là 1.175.000.000 đồng, yêu cầu nhận thừa kế không phụ thuộc di chúc do bà S là người khiếm thính tạm tính là 1.566.000.000 đồng, tổng cộng bà S yêu cầu được nhận số tiền làm tròn là 4.200.000.000 đồng.

Những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do ông Phạm Văn L đại diện trình bày: Đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được về việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1154/2023/DSST ngày 12 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Xác định di sản của cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA918531, số vào sổ cấp GCN: CH01899 do A1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2015.

- Xác định phần di sản chia theo di chúc của cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ là quyền sử dụng đất tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị tạm tính theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8 là 21.409.771.118 đồng.

Các ông bà: Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D được hưởng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nói trên theo Di chúc số công chứng 400, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21/4/2006 do ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Đ xác lập tại Phòng C2 thành phố Hồ Chí Minh, trong đó mỗi người hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất theo di chúc trên.

- Xác định phần di sản chia theo pháp luật của cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ là giá trị xây dựng nhà tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá tạm tính 2.090.593.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8

- Các đương sự có tên sau đây mỗi người hưởng 1/10 giá trị xây dựng nhà, tạm tính theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8 là 209.059.300đ (Hai trăm lẻ chín ngàn không trăm năm mươi chín ngàn ba trăm đồng), gồm:

Ông Phạm Vũ H1, ông Phạm Vũ H2, bà Vũ Ngọc H và bà Phạm Vũ Giáng H3, cả 04 người được hưởng thừa kế thế vị một suất thừa kế của ông Phạm Văn T5 (mất năm 2002); ông Phạm Văn L; bà Phạm Thị Ngọc T1; bà Phạm Thị Kim H4; bà Phạm Thị Ánh S; ông Phạm Văn N; ông Phạm Minh T2; ông Phạm Thành C; bà Phạm Thị Thanh D; bà Phạm Thị Ý N1.

Các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D được nhận phần di sản chia theo di chúc của cụ T3 và cụ Đặng b quyền sử dụng đất, có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho những người hưởng thừa kế theo pháp luật giá trị xây dựng nhà tương ứng kỹ phần mỗi người được hưởng.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng nhà làm cơ sở thanh toán cho các phần thừa kế sẽ được tính theo giá trị thực tế tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thanh toán đủ phần thừa kế về giá trị xây dựng nhà cho các đồng thừa kế còn lại, các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để sang tên đăng bộ và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà và đất tại 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu những người hưởng thừa kế theo di chúc không liên đới thanh toán lại phần thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế đối với phần giá trị xây dựng của căn nhà di sản, thì một trong các đồng thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án đối với di sản cụ T3 và cụ Đ để thi hành cho phần di sản các đồng thừa kế được hưởng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị Ánh S về việc yêu cầu các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D – là những người được hưởng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nói trên theo Di chúc số công chứng 400, quyền số 1TP/CC - SCC/HĐGD, ngày 21/4/2006 do ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Đ xác lập tại Phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh phải hoàn trả lại cho bà S 21 lượng vàng SJC tương ứng với số tiền 1.400.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Ánh S về việc tính công sức chăm sóc cha mẹ, duy tu bảo quản di sản và yêu cầu được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc do bị đơn tự nguyện rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/7/2023, bà Phạm Thị Ánh S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu các nguyên đơn là những người thừa kế theo di chúc phải trả cho bà số vàng mẹ của bà là cụ Phạm Thị Đ đã mượn khi còn sống là 21 lượng vàng SJC.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Ánh S trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định bà S đã đưa vàng cho mẹ ruột mượn để xây nhà vào năm 1998. Việc này có ông L, ông C, ông T5 và ông T2 chứng kiến; năm 2006, bà Đặng đ bà S ra khỏi nhà. Nay theo di chúc chỉ có 05 người được hưởng thừa kế ngôi nhà của cha mẹ nên yêu cầu 05 người này trả vàng cho bà S rồi mới chia phần còn lại

Các nguyên đơn và ông L trình bày bà S có cho mẹ ruột mượn tiền để xây nhà nhưng đã được ông T2 gửi tiền từ nước ngoài về trả xong; ngoài ra bà S cũng được cha mẹ cho riêng một căn nhà. Các nguyên đơn là người đã ở cùng cha mẹ và vẫn chưa có nhà ở nên được cha mẹ chia nhà theo di chúc. Án sơ thẩm đã xác định các vấn đề của vụ án đúng thực tế và tuyên xử có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng quy định. Bà S kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh nên đề nghị bác kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều đã tuân thủ quy định về tố tụng. Kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Về yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ thủ tục tố tụng, chứng cứ được thu thập đầy đủ để đánh giá và giải quyết các vấn đề trong vụ kiện một cách khách quan, đúng pháp luật. Bà S kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ kiện nên không có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp thừa kế*”, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng một số đương sự vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét tất cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất về nguồn gốc tài sản tranh chấp, về những người thuộc diện và hàng thừa kế của các cụ Phạm Văn T3, Phạm Thị Đ và tính pháp lý của bản Di chúc ngày 21/4/2006 do cha mẹ ruột là các cụ Phạm Văn T3, Phạm Thị Đặng l được công chứng bởi Phòng C2 – Thành phố Hồ Chí Minh như bản án sơ thẩm đã xác định.

Do di chúc được lập năm 2006, nhà trên đất là nhà cũ, đến năm 2014 được xây dựng thêm tầng nên án sơ thẩm đã xác định hiệu lực của di chúc đối với phần giá trị quyền sử dụng đất để chia thừa kế theo di chúc cho các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D và chia thừa kế theo pháp luật đối với giá trị nhà là có căn cứ, đúng pháp luật. Chi tiết phân chia và xác định trường hợp thừa kế thế vị của các con ông Phạm Văn T5 là đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Ánh S yêu cầu những người hưởng thừa kế theo di chúc của cụ T3, cụ Đặng t số vàng hai cụ còn thiếu khi xây nhà vào năm 1998 đến thời điểm tranh chấp là 21 lượng vàng SJC, Hội đồng xét xử thấy rằng: các chứng cứ bà S xuất trình không phải là chứng cứ trực tiếp về sự việc bà S có giao vàng cho cha mẹ; các anh chị em trong gia đình có người trình bày biết về việc vay mượn vàng giữa bà S và cha mẹ, nhưng cũng chỉ xác nhận bà S có đưa vàng mà không rõ số vàng đã đưa cũng như số vàng cha mẹ đã trả lại cho bà S, thậm chí bà S cũng đã được cha mẹ tặng cho tài sản khác. Do vậy, bà S không có cơ sở chứng minh cho yêu cầu đòi vàng. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà S về việc tính công sức chăm sóc cha mẹ, duy tu bảo quản di sản và yêu cầu được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc: do ở giai đoạn sơ thẩm, bà S đã tự nguyện rút lại yêu cầu phản tố này nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu nguyên đơn là những người thừa kế theo di chúc phải trả cho bà số vàng mẹ của bà đã mượn là 21 lượng vàng SJC để xây nhà vào năm 1998. Xét bà S kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn cho rằng bà S có cho mẹ ruột mượn tiền xây nhà nhưng đã được ông T2 trả xong, đồng thời không thừa nhận việc bà S cho mượn vàng nên cũng chưa đủ cơ sở để chấp nhận lý lẽ trình bày trong đơn kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa. Do án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ánh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Xác định di sản của cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA918531, số vào sổ cấp GCN: CH01899 do A1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2015.

- Xác định phần di sản chia theo di chúc của cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ là quyền sử dụng đất tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị tạm tính theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8 là 21.409.771.118 đồng.

Các ông bà: Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D được hưởng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nói trên theo Di chúc số công chứng 400, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21/4/2006 do ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Đ xác lập tại Phòng C2 thành phố Hồ Chí Minh, trong đó mỗi người hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất theo di chúc trên.

- Xác định phần di sản chia theo pháp luật của cụ Phạm Văn T3 và cụ Phạm Thị Đ là giá trị xây dựng nhà tại số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá tạm tính 2.090.593.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8

- Các đương sự có tên sau đây mỗi người hưởng 1/10 giá trị xây dựng nhà, tạm tính theo Chứng thư thẩm định giá số 0312/2023/BCCT-SGL ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH MTV T8 là 209.059.300đ (Hai trăm lẻ chín ngàn không trăm năm mươi chín ngàn ba trăm đồng), gồm:

Ông Phạm Vũ H1, ông Phạm Vũ H2, bà Vũ Ngọc H và bà Phạm Vũ Giáng H3, cả 04 người được hưởng thừa kế thế vị một suất thừa kế của ông Phạm Văn T5 (mất năm 2002); ông Phạm Văn L; bà Phạm Thị Ngọc T1; bà Phạm Thị Kim H4; bà Phạm Thị Ánh S; ông Phạm Văn N; ông Phạm Minh T2; ông Phạm Thành C; bà Phạm Thị Thanh D; bà Phạm Thị Ý N1.

Các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D được nhận phần di sản chia theo di chúc của cụ T3 và cụ Đăng b quyền sử dụng đất, có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho những người hưởng thừa kế theo pháp luật giá trị xây dựng nhà tương ứng kỹ phần mỗi người được hưởng.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng nhà làm cơ sở thanh toán cho các phần thừa kế sẽ được tính theo giá trị thực tế tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thanh toán đủ phần thừa kế về giá trị xây dựng nhà cho các đồng thừa kế còn lại, các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để sang tên đăng bộ và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà và đất tại 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu những người hưởng thừa kế theo di chúc không liên đới thanh toán lại phần thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế đối với phần giá trị xây dựng của căn nhà di sản, thì một trong các đồng thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án đối với di sản cụ T3 và cụ Đ để thi hành cho phần di sản các đồng thừa kế được hưởng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị Ánh S về việc yêu cầu các ông bà Phạm Văn N, Phạm Thành C, Phạm Thị Ý N1, Phạm Minh T2 và Phạm Thị Thanh D – là những người được hưởng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nói trên theo Di chúc số công chứng 400, quyền số 1TP/CC - SCC/HĐGD, ngày 21/4/2006 do ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Đ xác lập tại Phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh phải hoàn trả lại cho bà S 21 lượng vàng SJC tương ứng với số tiền 1.400.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Ánh S về việc tính công sức chăm sóc cha mẹ, duy tu bảo quản di sản và yêu cầu được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc do bị đơn tự nguyện rút yêu cầu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ánh S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (14);
- Lưu VP(3), HS(2).26b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ